

MỘT SỐ BIỂU HIỆN GIAO THOA NGÔN NGỮ TRONG DÙNG TỪ TIẾNG VIỆT CỦA HỌC SINH TIỂU HỌC DÂN TỘC TÀY

TRẦN THỊ KIM HOA

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên
Email: trankimhoa25@gmail.com

Tóm tắt: Đối với đại đa số học sinh tiểu học, tiếng Việt được học với tư cách là ngôn ngữ thứ nhất (tiếng mẹ đẻ). Với học sinh dân tộc nói chung, học sinh dân tộc Tày nói riêng, tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai. Ở lĩnh vực ngôn ngữ, chúng ta còn thấy, mỗi ngôn ngữ có một đặc trưng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp riêng. Chính vì vậy, trong nói, viết của học sinh tiểu học dân tộc Tày, chúng ta rất dễ nhận ra những biểu hiện giao thoa giữa tiếng Việt và tiếng Tày. Tác giả bài viết trình bày sự giao thoa ngôn ngữ trong nói, viết tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc Tày qua những hiện tượng sau: Qua việc sử dụng các danh từ chỉ người theo nghề nghiệp, sử dụng đại từ “nó”, sử dụng các động từ phương hướng và sử dụng từ chỉ không gian.

Từ khóa: Giao thoa; ngôn ngữ; tiếng Việt; tiếng Tày; học sinh tiểu học.

(Nhận bài ngày 22/6/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 03/7/2017; Duyệt đăng ngày 25/7/2017).

1. Đặt vấn đề

Đối với đại đa số học sinh tiểu học, tiếng Việt được học với tư cách ngôn ngữ thứ nhất (tiếng mẹ đẻ). Với học sinh dân tộc nói chung, học sinh dân tộc Tày nói riêng, tiếng Việt là ngôn ngữ thứ hai. Ở lĩnh vực ngôn ngữ, chúng ta còn thấy, mỗi ngôn ngữ có một đặc trưng ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp riêng. Theo lí thuyết giáo dục song ngữ thì người học bao giờ cũng đem thói quen và cả những kiến thức tiếp thu được từ ngôn ngữ thứ nhất sang học ngôn ngữ thứ hai. Điều đó tạo ra một sự chuyển di tích cực và tiêu cực. Thói quen học tiếng, nhất là thói quen ban đầu có thể giống nhau nhưng kiến thức ngôn ngữ thì có nhiều điểm rất khác nhau. Chính vì vậy, trong nói, viết của học sinh tiểu học dân tộc Tày, chúng ta rất dễ nhận ra những biểu hiện giao thoa giữa tiếng Việt và tiếng Tày.

2. Những biểu hiện giao thoa ngôn ngữ trong dùng từ tiếng Việt của học sinh tiểu học dân tộc Tày

2.1. Biểu hiện qua việc sử dụng các danh từ chỉ người theo nghề nghiệp

Trong tiếng Việt, một số danh từ chỉ người theo nghề nghiệp có thể dùng để xưng hô. Tuy nhiên, muốn dùng các danh từ đó để xưng hô thì thường phải thêm những từ cụ thể hóa vào trước danh từ chỉ nghề nghiệp. Chẳng hạn, muốn dùng những danh từ “công nhân”, “diễn viên”, “kĩ sư”... làm từ xưng hô thì đằng trước các danh từ đó phải có các từ cụ thể hóa như: Anh, chị, ông, bà, ...: “chú công nhân”, “cô diễn viên”, “anh kĩ sư”...

Nhưng với học sinh tiểu học dân tộc Tày, khi sử dụng các danh từ tiếng Việt chỉ nghề nghiệp để xưng hô, các em lại không tuân theo nguyên tắc trên. Nghĩa là, các em không dùng yếu tố cụ thể trước danh từ mà chỉ dùng riêng các danh từ đó - dùng với ý nghĩa khái quát. Vì vậy, các em không gọi *anh/chị kĩ sư* mà chỉ gọi *kĩ sư*,

không gọi *đồng chí cán bộ* mà chỉ gọi *cán bộ*.

Hiện tượng học sinh mắc lỗi này có thể do một số học sinh có kĩ năng nói, viết tiếng Việt kém nên khi nói, viết các em đã nói nhanh, viết tắt do đó làm lệch chuẩn.

Thực ra khi sử dụng một số từ chỉ nghề nghiệp của tiếng Việt trong lời nói bằng tiếng mẹ đẻ, học sinh người dân tộc Tày vẫn nói: “ao công nhân” (chú công nhân), “nhìn thư kí” (chị thư kí). Nhưng khi chuyển dịch sang tiếng Việt, do chưa nhuần nhuyễn trong sử dụng tiếng Việt, các em đã không dùng các danh từ như *anh, chị, ông* để đặt trước danh từ có ý nghĩa khái quát.

Nhưng nguyên chính là do ảnh hưởng của giao thoa tiếng mẹ đẻ. Trong tiếng Tày một số từ chỉ nghề nghiệp cũng có thể trở thành từ xưng hô nhưng với điều kiện là phải bỏ các từ cụ thể hóa mà chỉ dùng riêng danh từ với ý nghĩa khái quát. Chẳng hạn như các từ *Sláy tay* (giảng viên), *Sláy slư* (thầy giáo), *Pò mo* (thầy mo), *chàng lếch* (thợ rèn)... chỉ trở thành từ xưng hô khi chúng biến đổi:

Bảng 1: So sánh từ gốc và từ tỉnh lược trong tiếng Tày

Từ gốc (từ định danh)	Từ tỉnh lược (từ xưng hô)
sláy tay	sláy (thầy)
sláy slư	sláy (thầy)
pơ mo	sláy (thầy)
chàng lếch	chàng (thợ)
chàng xếp	chàng (thợ)

Qua bảng trên, ta thấy, những yếu tố định loại như “mo” trong “thầy mo”, “giáo” trong “thầy giáo”, “rèn” trong “thợ rèn”... bị tỉnh lược và ý nghĩa khái quát của danh từ như: Thầy, thợ được giữ lại trở thành từ xưng hô.

Như vậy, do nguyên tắc sử dụng một số danh từ chỉ nghề nghiệp làm từ xưng hô trong tiếng Việt trái ngược với tiếng Tày: Tiếng Tày dùng với ý nghĩa khái quát của



danh từ còn tiếng Việt lại phải thêm yếu tố cụ thể vào trước danh từ nên trong nói, viết tiếng Việt, khi sử dụng các danh từ chỉ nghề nghiệp làm từ xưng hô học sinh tiểu học dân tộc Tày đã sử dụng sai các danh từ đó.

2.2. Biểu hiện qua việc sử dụng đại từ “nó”

Trong tiếng Việt, đại từ “nó” là đại từ ngôi thứ ba, số ít. Dùng đại từ “nó” để chỉ người thứ ba không có mặt trong cuộc thoại hoặc có mặt trong cuộc thoại nhưng không thực hiện hành vi trao lời - đáp lời.

Trong tiếng Việt, đại từ “nó” được dùng để chỉ người thứ ba thì người được đại từ “nó” quy chiếu phải ở vị thế ngang hàng hay thấp hơn vị thế của người sử dụng.

Ví dụ: Hôm nay Lan nghỉ học vì nó bị cảm.

Câu trên có thể do bạn của Lan nói (vị thế ngang hàng) hoặc bố, mẹ, anh, chị...(vị thế cao hơn Lan). Như vậy, trong tiếng Việt muốn dùng đại từ “nó” để chỉ người thứ ba thì phải tính tới mối quan hệ (quan hệ vị thế trên/dưới hay ngang hàng) giữa người nói và người được nói tới. Tuy nhiên, học sinh tiểu học dân tộc Tày chưa nắm bắt được nguyên tắc này nên trong lời nói tiếng Việt các em vẫn thường nói:

- Cô giáo nó cho tao nghỉ học.
- Mẹ em nó đi rừng rồi.

Sở dĩ như vậy vì trong tiếng Tày đại từ “te” tương đương với đại từ “nó” của tiếng Việt nhưng lại được dùng với ý nghĩa sắc thái khác nhau. Trong tiếng Tày, dùng đại từ “te” (nó) để chỉ người, không biểu thị thái độ kính trọng hay khinh thường, nghĩa là đại từ “te” (nó) trung hòa về sắc thái biểu cảm. Hay nói một cách khác, vị thế xã hội không chi phối việc sử dụng đại từ “te” (nó) trong tiếng Tày. Vì thế, người ở vị thế thấp có thể dùng đại từ “te” (nó) để chỉ người ở vị thế cao.

Ví dụ: Pò mẩu dú rườn bầu? (Bố mày ở nhà không?)

- Bầu, te pây tổng dà! (Không, nó đi làm rồi!)

Như vậy, do ảnh hưởng của cách sử dụng đại từ “te” (nó) trong tiếng mẹ đẻ nên dẫn đến khi nói, viết tiếng Việt, học sinh tiểu học dân tộc Tày đã sử dụng đại từ “nó” của tiếng Việt theo ý nghĩa và cách sử dụng đại từ “te”. Đây chính là nguyên nhân của hiện tượng giao thoa tiêu cực.

2.3. Biểu hiện qua việc sử dụng các động từ phương hướng

Các động từ chỉ hướng chuyển động ra, vào, lên, xuống, đi, lại nói chung trong tiếng Việt và tiếng Tày nghĩa và cách dùng giống nhau. Trong tiếng Tày, để nhấn mạnh tính chỉ hướng chuyển động, có thể thêm “tò” vào trước các động từ : tò oóc (chiều ra), tò lỏng (đi theo), tò mà (trở lại). Việc định hướng chuyển động về cơ bản trong tiếng Việt và tiếng Tày đều tuân theo nguyên tắc “tự ngã trung tâm”, lấy người nói làm chuẩn để quy chiếu. Sự định vị cao/thấp, trong/ngoài để định hướng trong hai ngôn ngữ cũng giống nhau.

Trong tiếng Việt, ba động từ: Về, tới, đến đều là những động từ chuyển động có hướng. Tuy nhiên, nghĩa cụ thể của từng động từ khác nhau. Theo cuốn Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, từ “về” dùng để chỉ

hướng di chuyển trở lại chỗ của mình, nơi ở, nơi quê hương của mình: Về quê, chim về tổ. Từ “đến” mang nghĩa có tại một nơi nào đó sau một quá trình di chuyển từ nơi khác: Mẹ đưa bé đến trường, tàu đã đến ga. Từ “tới” có nghĩa đến một nơi nào đó: Mời bạn tới nhà. Với nghĩa chỉ hướng di chuyển trở về chỗ cũ, từ “về” có nghĩa tương đương với từ “mà”, “mùa” trong tiếng Tày. Tuy nhiên, cách dùng “về” và “mà” trong hai ngôn ngữ khác nhau. Ở đây, cần phân biệt từ “về” với từ “tới” và “đến” trong đó “tới” và “đến” chỉ sự đạt đích mà đó là nơi người nói đang có mặt. “Mùa” trong tiếng Tày mang nghĩa tương đương với “về” trong tiếng Việt thế nhưng chỉ dùng với nghĩa “di chuyển trở lại chỗ của mình”. Trong khi đó “mà” cũng có nghĩa là về, nhưng chỉ hướng tiến đến nơi người nói đang có mặt: Dú nưa mà (ở trên ấy về), roọng te mà (gọi nó về). Chính mối quan hệ phức tạp về ý nghĩa như vậy cho nên đã dẫn đến hiện tượng học sinh nhầm lẫn cách dùng từ “về” với “tới” và “đến”. Tiến hành khảo sát bài viết của học sinh, chúng tôi thường gặp cách diễn đạt thế này:

Bố em đến nhà thì trời đổ mưa.

Nhà chú cắt tóc mới chuyển về xóm em được hai tuần.

Ở các ví dụ trên, học sinh đã dùng không chính xác động từ chỉ phương hướng. Trong ví dụ, nhà là nơi ở của “bố”, nghĩa là người nói đang di chuyển về chỗ cũ của mình. Cho nên trong trường hợp này không thể dùng từ “đến” được mà phải dùng từ “về đến”. Ở ví dụ b, ta cũng thấy, từ một vùng này chuyển sang một vùng khác (đến một nơi nào đó) thì phải dùng “tới” chứ không thể dùng từ về được.

2.4. Biểu hiện qua việc sử dụng từ vựng chỉ không gian

Về không gian, tiếng Việt và tiếng Tày đều có những từ chỉ phương vị, chúng tôi lập bảng tương ứng như sau:

Bảng 2: Bảng tương ứng các từ chỉ phương vị trong tiếng Việt và tiếng Tày

Từ tiếng Việt	Từ tiếng Tày	Từ tiếng Việt	Từ tiếng Tày
trên	tênh, nưa	đông	đông
dưới	tẩu	tây	tây
trước	pằng nả	nam	nam
sau	lăng	bắc	bắc
trong	chang	lên	khửn
ngoài	noọc	xuống	nỏng
phía	bường, pạng	ra	oóc
bên	pạng	vào	khẩu

Căn cứ vào bảng trên ta thấy, trong số các cặp tương đương về nghĩa, từ trên trong tiếng Việt tương ứng với hai từ trong tiếng Tày: tênh và nưa. Tênh có nghĩa là ở trên một vật khác, xét theo chiều thẳng đứng “tênh rườn” (ở trên nhà (gác)) mà người nói đang ở dưới sàn nhà (tầng dưới). Nưa là chỗ cao nhưng không nhất thiết nằm trên trục thẳng đứng: Nà nưa (ruộng trên), rườn nưa

(nhà phía trên cao). Nếu dịch nghĩa của từ tách rời thì trên được dịch là tênh, nhưng về cách dùng hay phạm vi biểu thị thì trên có khi lại tương đương với chang (nghĩa là trong) trong tiếng Tày. Mỗi từ trong từng ngôn ngữ có những tiền giả định khác nhau khi sử dụng, vì thế khả năng kết hợp của chúng khác nhau. Tiếng Việt nói "đi trên đường", "ngồi trên ghế" thì được hiểu là người đi/ngồi có tiếp xúc với ghế và đường. Với ý nghĩa này, tiếng Tày sẽ nói là chang (trong). Trong tiếng Tày, nếu nói "pây tênh tàng", "nặng tênh tảng" thì sẽ được hiểu là đi trên taluy và ngồi lơ lửng phía trên, cách ghế một khoảng nhất định. Và chính sự khác nhau này đã làm nảy sinh hiện tượng giao thoa. Học sinh tiểu học dân tộc Tày thường viết: "Chúng em đi **trong** con đường đến trường" hay "Chúng em đang ngồi **trong** ghế nhà trường".

3. Kết luận

Trên đây, chúng tôi đã nêu ra một số biểu hiện giao thoa từ vựng khi nói, viết của học sinh tiểu học dân tộc Tày học tiếng Việt. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi không thể liệt kê tất cả các biểu hiện cụ thể, mà chỉ nêu lên những lỗi tiêu biểu để từ đó sẽ định hướng cho việc dạy học, tìm các phương pháp, biện pháp thích hợp nhằm khắc phục những hiện tượng giao thoa tiêu cực, giúp học sinh tiểu học dân tộc Tày nhanh chóng nắm vững tiếng Việt trong thực tiễn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê A - Mông Ký Slay, (1993), *Phương pháp dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc ở trường tiểu học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Vụ Giáo viên.
- [2]. Lương Bền, (1986), *Giao thoa ngôn ngữ và việc dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc - Những vấn đề Ngữ văn trong nhà trường*, Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc.
- [3]. Lương Bền, (1992), *Tiếng mẹ đẻ trong dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc bậc tiểu học*, Thông báo khoa học, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 4.
- [4]. Hoàng Văn Ma - Lục Văn Pào, (1974), *Từ điển Việt - Tày - Nùng*, NXB Khoa học Xã hội.
- [5]. Lê Phương Nga - Nguyễn Trí, (1999), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [6]. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [7]. Phan Thiều - Lê Hữu Tĩnh, (2002), *Dạy học từ ngữ ở tiểu học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Minh Thuyết, *Những nhân tố song ngữ ảnh hưởng đến năng lực sử dụng tiếng Việt của học sinh dân tộc ít người*, Tạp chí Nghiên cứu Giáo dục, số 8, năm 1984.
- [9]. Nguyễn Như Ý - Đỗ Việt Hùng, (1997), *Từ điển chính tả tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

LANGUAGE INTERFERENCE IN USING VIETNAMESE OF TAY ETHNIC PRIMARY PUPILS

Tran Thi Kim Hoa

Thai Nguyen University of Education - Thai Nguyen University

Email: trankimhoa25@gmail.com

Abstract: Vietnamese language is learned as the first language (mother tongue) for most primary pupils. It is the second language for ethnic students in general, and Tay ethnic pupils in particular. In terms of linguistics, we see that each language has its features of phonetics, vocabulary and grammar. Therefore, in speaking and writing of Tay ethnic pupils, it is easy to recognize the cross features between Vietnamese and Tay languages. In this article, we initially investigate language interference in Vietnamese speaking and writing of Tay ethnic pupils through the following phenomena: using nouns in jobs, using pronoun "it", using directional verbs and space words.

Keywords: Interference; linguistics; Vietnames; Tay language; primary pupils.